

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 717/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 08-10-2019

V/v “Tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Huỳnh Trúc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Máy

2. Bà Phan Thị Quý

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Thi, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà Trần Ngọc Hà – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 313/2019/TB-TLVA ngày 14 tháng 5 năm 2019 về “tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 147/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị U, sinh năm 1971

Địa chỉ: số 466/3 THĐ, Phường 4, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn: Anh Trần Thanh L, sinh năm 1963

Địa chỉ: ấp TB, xã ĐH, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

(chị U có mặt, anh L vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện và bản khai ngày 26 tháng 3 năm 2019 cũng như trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị U trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Trần Thanh L chung sống từ năm 2013, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phường 4, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang

vào năm 2015. Anh chị chung sống đến năm 2016 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn bất đồng về vấn đề tiền bạc, tính tình lối sống không hòa hợp, anh L không chăm lo cho gia đình. Do đó, anh chị đã sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay. Nay, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh L.

Về con chung, anh chị chung sống không có con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: anh chị không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Đối với bị đơn anh Trần Thanh L: Tòa án đã tiến hành thông báo thụ lý vụ án, triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị U.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm tại phiên tòa như sau: Về việc kiểm sát việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là tuân thủ đúng quy định pháp luật. Về việc giải quyết vụ án: đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định vụ án:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Trần Thanh L đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa không lý do, căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đương sự theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

[2.1.1] Chị Nguyễn Thị U và anh Trần Thanh L tổ chức lễ cưới và tự nguyện chung sống từ năm 2013, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân Phường 4, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 57/2015 quyền số 01/2015 ngày 28/7/2015. Như vậy, chị U và anh L có đủ điều kiện kết hôn, tự nguyện chung sống với nhau và đã thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy định, căn cứ vào các Điều 8 và 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình, quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị U và anh Trần Thanh L là hợp pháp.

[2.1.2] Chị U yêu cầu ly hôn với anh L vì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn bất đồng về vấn đề tiền bạc, tính tình lối sống không hòa hợp, anh L không chăm lo cho gia đình và vợ chồng chị U anh L đã sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay. Lời

trình bày của chị U là phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Đồng thời, anh L mặc dù đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng anh L cũng không đến để tham gia hòa giải đoàn tụ và không có ý kiến phản đối đối với yêu cầu của chị U. Như vậy, căn cứ vào Điều 92 của Bộ luật Tổ tụng dân sự, Hội đồng xét xử công nhận những tình tiết nguyên đơn trình bày nêu trên là sự thật. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa chị U và anh L đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, không còn thương yêu, quan tâm, chia sẻ, chăm sóc, giúp đỡ nhau và sống chung với nhau. Do vậy, căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị U.

[2.2] Về con chung: Chị Nguyễn Thị U và anh Trần Thanh L không có con chung nên Hội đồng xét xử ghi nhận chị U và anh L không có con chung.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị U không yêu cầu Tòa án giải quyết về quan hệ tài sản chung nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 5 của Bộ luật Tổ tụng dân sự, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét về quan hệ tài sản chung.

[3] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tổ tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, chị Nguyễn Thị U phải chịu án phí sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 147 và 228 của Bộ luật Tổ tụng dân sự; Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị U.
- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị U được ly hôn với anh Trần Thanh L.

- Về con chung: không có.

- Về quan hệ tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị U phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chị Nguyễn Thị U đã nộp 300.000đồng tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu số 0009722 ngày 13/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, Tiền Giang nên xem như nộp xong án phí.

3. Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TG;
- VKSND h. CT - TG;
- THADS h. CT - TG;
- UBND P.4 - TP.MT - TG;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

ĐÃ KÝ

Nguyễn Huỳnh Trúc